

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Hải Dương, 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Kế toán
Ngành đào tạo	: Kế toán (Accounting)
Mã ngành	: 7340301
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-DHSD, ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

1.1.1. Đào tạo cử nhân ngành Kế toán góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

1.1.2. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ Nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội và quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng để thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và ghi chép các thông tin kinh tế tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

1.2.1.2c. Có kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng tổ chức vận dụng chứng từ, tài khoản kế toán, hình thức kế toán, bộ máy kế toán, báo cáo kế toán theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và

quốc tế trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội.

1.2.2.2. Ứng dụng được phần mềm tin học chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Kế toán.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật, Quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Phân tích được quy trình tổ chức công tác kế toán.

2.1.5. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán.

2.1.6. Hiểu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp liên quan đến kế toán.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Có khả năng tổ chức lập chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau; phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và Luật kế toán hiện hành.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán thuế (Thuế GTGT, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Xuất nhập khẩu,...).

2.2.3. Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực kinh tế như: kế toán, kiểm toán, tài chính và ngân hàng cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

2.2.4. Ứng dụng thành thạo tin học, các công cụ phục vụ thực hành nghề nghiệp, thiết lập và tổ chức dữ liệu phục vụ công tác kế toán trong thực tế.

2.2.5. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.2.6. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán.

2.2.8. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (Không bao gồm các học phần: Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-GDDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Sao Đỏ năm 2016.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	62	48	14
8.1.1		Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	10	10	0
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	5	0
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
8.1.2		Khoa học xã hội – nhân văn	8	8	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
4.	KHXXH 101	Tâm lý học đại cương	2	2	0
5.	KHXXH 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
6.	KHXXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
7.	QTRI 112	<i>Khởi nghiệp kinh doanh</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ	11	11	0
8.	TANH 101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	0
9.	TANH 102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	0
10.	TANH 422	Tiếng Anh ngành Kế toán	3	3	0
8.1.4		Toán học – Tin học	14	13	1
11.	TOAN 181	Toán ứng dụng C1	3	3	0
12.	TOAN 182	Toán ứng dụng C 2	3	3	0
13.	TOAN 241	Xác suất và thống kê	3	3	0
14.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
15.	TIN 101	Tin học đại cương	2	1	1
8.1.5		Giáo dục thể chất	3	0	3
16.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
17.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
18.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
8.1.6		Giáo dục quốc phòng			
19.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4t)		
8.1.7		Kỹ năng mềm	12	6	6
		PHẦN BẮT BUỘC	12	6	6
20.	KNM 1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
21.	KNM 2	Kỹ năng mềm 3 và 4	4	2	2
22.	KNM 3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
		PHẦN BẮT BUỘC			
		TỰ CHỌN TỰ Ý			

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
23.	KNM 4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	2
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	52	39
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	20	17	3
24.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1	3	3	0
25.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
26.	MKT 111	Marketing căn bản	2	2	0
27.	TKE 213	Lý thuyết thống kê	3	2	1
28.	KHXXH 211	Luật kinh tế	2	2	0
29.	KTOAN 223	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	2	1
30.	KTOAN 212	Lý thuyết tài chính	2	2	0
31.	TIN 102	Tin văn phòng	2	1	1
8.2.2		Kiến thức ngành	29	19	10
		PHẦN BẮT BUỘC	27	17	10
32.	KTOAN 321	Quản trị tài chính	3	2	1
33.	KTOAN 421	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
34.	KTOAN 211	Nguyên lý kế toán A	4	3	1
35.	TCHINH 341	Thuế	3	2	1
36.	KTOAN 323	Kế toán quản trị	3	2	1
37.	KIEMT 221	Kiểm toán căn bản	2	2	0
38.	KTOAN 324	Kế toán thuế	4	2	2
39.	KTOAN 325	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	2	1
40.	KTOAN 464	Đề án Nguyên lý kế toán A	2	0	2
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 (Chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	2	2	0
41.	KTOAN 222	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ	2	2	0
42.	KHXXH 223	Luật kế toán	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
43.	KTE221	<i>Thống kê doanh nghiệp</i>	2	2	0
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành	25	16	9
		PHẦN BẮT BUỘC	15	8	7
44.	KTOAN 348	Kế toán chi phí	2	1	1
45.	KTOAN 326	Kế toán doanh nghiệp A 1	3	2	1
46.	KTOAN 327	Kế toán doanh nghiệp A 2	3	2	1
47.	KTOAN 422	Kế toán doanh nghiệp A 3	4	3	1
48.	KTOAN 423	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất	3	0	3
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 2 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	4	4	0
49.	KTOAN 328	<i>Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp</i>	2	2	0
50.	TCHINH 322	<i>Thị trường chứng khoán</i>	2	2	0
51.	TCHINH 353	<i>Bảo hiểm</i>	2	2	0
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 3 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	6	4	2
52.	KTOAN 424	<i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>	3	2	1
53.	KTOAN 425	<i>Kế toán xây dựng cơ bản</i>	3	2	1
54.	KTOAN 428	<i>Nghiệp vụ kế toán ngân hàng</i>	3	2	1
		TỰ CHỌN TÙY Ý			
55.	KTOAN 465	Đề án kế toán doanh nghiệp	2	0	2
56.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế	3	2	1
57.	KTOAN 322	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	2	1
58.	KTOAN 461	Thực tập chuyên đề	3	0	3
8.2.4		Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp	17	0	17
59.	KTOAN 463	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
60.	KTOAN 462	Đề án/Khóa luận tốt nghiệp (<i>hoặc học thêm một số học phần chuyên môn</i>)	10	0	10
61.	KTOAN 224	<i>Đề án kế toán thuế</i>	2	2	0
62.	KTOAN 427	<i>Lập báo cáo tài chính</i>	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
63.	KIEMT 421	<i>Kiểm toán báo cáo tài chính</i>	3	3	0
64.	KTOAN 448	<i>Kế toán ngân sách và tài chính xã</i>	2	2	0
		Tổng (Tín chỉ)	153	100	53

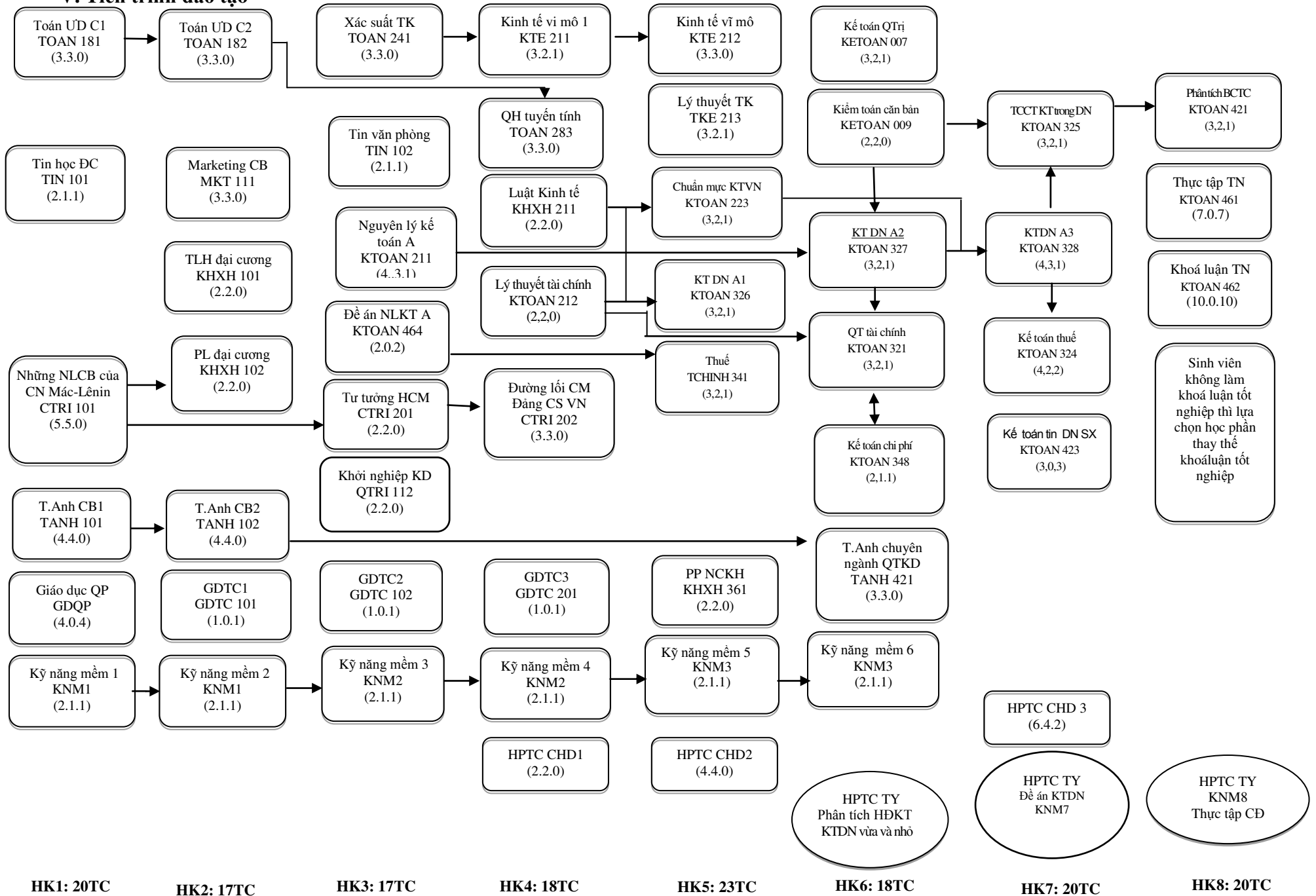
9. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	x														x			
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														x			
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x														x			
4.	KHXH 101	Tâm lý học đại cương	x		x												x			
5.	KHXH 102	Pháp luật đại cương	x														x			
6.	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x														x			
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh						x			x							x	x	
8.	TANH 101	Tiếng Anh cơ bản 1			x									x	x					
9.	TANH 102	Tiếng Anh cơ bản 2			x									x	x					
10.	TANH 422	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán			x									x	x					
11.	TOAN 181	Toán ứng dụng C1			x						x						x			
12.	TOAN 182	Toán ứng dụng C 2			x						x						x			
13.	TOAN 241	Xác suất và thống kê			x						x						x			
14.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính			x						x						x			
15.	TIN 101	Tin học đại cương		x								x					x			
16.	TIN 102	Tin văn phòng		x								x					x			
17.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	x														x			
18.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	x														x			
19.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	x														x			
20.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng – An ninh																		
21.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	x									x					x		x	
22.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	x									x					x		x	

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
			Kiến thức					Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
23.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	x									x						x		x	
24.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	x									x						x		x	
25.	KTOAN 223	Chuẩn mực kế toán Việt Nam				x							x	x				x	x	x	
26.	MKT 111	Marketing căn bản			x													x			
27.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1			x		x											x			
28.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô			x		x											x			
29.	KHXH 211	Luật kinh tế			x													x			
30.	KTOAN 212	Lý thuyết tài chính			x						x							x	x		
31.	TKE 213	Lý thuyết thống kê			x													x			
32.	KTOAN 464	Đề án Nguyên lý kế toán A			x	x	x	x	x						x	x		x	x	x	
33.	KTOAN 323	Kế toán quản trị					x	x	x		x					x		x	x		
34.	KIEMT 221	Kiểm toán căn bản					x									x		x			
35.	KTOAN 211	Nguyên lý kế toán A				x								x	x			x	x	x	
36.	KTOAN 421	Phân tích báo cáo tài chính			x						x				x			x	x		
37.	KTOAN 321	Quản trị tài chính			x		x	x			x							x	x		
38.	KHXH 223	Luật kế toán				x	x							x	x			x	x	x	
39.	KTE221	Thống kê kinh tế					x											x		x	
40.	KTOAN 222	Kế toán DN thương mại & dịch vụ				x			x		x			x	x			x	x	x	
41.	KTOAN 324	Kế toán thuế			x				x	x				x	x			x	x	x	
42.	KTOAN 348	Kế toán chi phí			x			x			x			x	x			x	x	x	
43.	TCHINH 341	Thuế			x					x					x			x	x		
44.	KTOAN 325	Tổ chức công tác kế toán trong DN				x	x	x	x			x	x	x	x			x	x	x	
45.	KTOAN 326	Kế toán doanh nghiệp A 1				x		x	x			x		x	x			x	x		
46.	KTOAN 327	Kế toán doanh nghiệp A 2				x		x	x			x		x	x			x	x		

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức					Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
47.	KTOAN 422	Kế toán doanh nghiệp A 3				X		X	X			X		X	X		X	X		
48.	KTOAN 423	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất			X	X		X	X			X					X	X		
49.	KTOAN 328	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp				X		X	X			X			X		X	X		
50.	TCHINH 322	Thị trường chứng khoán			X						X						X			
51.	TCHINH 353	Bảo hiểm			X						X						X			
52.	KTOAN 424	Kế toán hành chính sự nghiệp				X			X						X		X	X		
53.	KTOAN 425	Kế toán xây dựng cơ bản				X		X	X			X			X		X	X		
54.	KTOAN 428	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng				X		X	X						X		X	X		
55.	KTOAN465	Đề án Kế toán doanh nghiệp			X	X	X	X	X	X	X		X	X			X	X	X	
56.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế			X	X		X			X						X			
57.	KTOAN 322	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ				X			X				X	X		X	X	X		
58.	KTOAN 461	Thực tập chuyên đề				X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
59.	KTOAN 403	Thực tập tốt nghiệp				X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
60.	KTOAN 401	Khóa luận tốt nghiệp				X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	
61.	KTOAN 224	Đề án kế toán thuế				X			X	X	X				X		X	X		
62.	KTOAN 427	Lập báo cáo tài chính			X	X		X	X		X	X		X	X		X	X		
63.	KIEMT 421	Kiểm toán báo cáo tài chính				X									X		X			
64.	KTOAN 448	Kế toán ngân sách và tài chính xã				X			X			X			X		X			

V. Tiến trình đào tạo



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Những NLCB CN Mac – LeNin (5.5.0)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin ngoài Chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Học phần nguyên lý còn được cấu trúc thành 3 phần với 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ 3 có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH và 1 chương khái quát CNXH hiện thực và triển vọng.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2.2.0)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 8 chương. Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về tư tưởng Hồ Chí Minh và một số vấn đề chung của học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 7 chương khái quát về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Xây dựng văn hóa, đạo đức và con người mới. Trong đó thể hiện sự vận dụng nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin của Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3.3.0)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I khái quát sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II và chương III là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; từ chương IV đến chương VIII là đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm đường lối về CNH, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại, trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

4. Tâm lý học đại cương (2,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Học xong những nguyên lý cơ bản của CNM-LN

Nội dung học phần Tâm lý học đại cương bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình

thành và phát triển tâm lý –ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách.

5. Pháp luật đại cương (2,2,0)

Học phần Pháp luật đại cương được phân bố thành hai phần chủ yếu đó là: Phần thứ nhất nghiên cứu các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng. Phần thứ hai nghiên cứu về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật Hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động, Luật kinh doanh, Luật hôn nhân và gia đình... Đây là cơ sở cho sinh viên khi học tập các môn chuyên ngành có liên quan đến những vấn đề pháp luật của Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Trước khi làm đề án môn học

Học phần cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các loại nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu, các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên bậc đại học và cách trình bày các kết quả NCKH.

7. Khởi nghiệp kinh doanh (2,2,0)

Cung cấp cho Sinh viên kiến thức cơ bản như; Luận bàn về khởi nghiệp kinh doanh. Động lực, ước mơ làm giàu của các doanh nghiệp trẻ cũng như tác động sự bùng nổ các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cách lập kế hoạch, chiến lược quản lý doanh nghiệp, nhượng quyền thương mại và lựa chọn chiến lược phát triển bền vững doanh nghiệp.

8. Tiếng Anh cơ bản 1 (4,4,0)

Trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh căn bản trình độ sơ cấp (elementary). Luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm giao tiếp hàng ngày trên cơ sở khối lượng từ vựng khoảng 800 từ và kiến thức cơ bản về thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, thì quá khứ đơn, cấu trúc câu so sánh.

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ tiếng Anh A. Có khả năng giao tiếp về các chủ điểm : Chào hỏi, hẹn gặp, thời tiết, công việc đã làm, dự định tương lai, thói quen ...

9. Tiếng Anh cơ bản 2 (4,4,0)

Trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh căn bản trình độ trung cấp (intermediate). Luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm giao tiếp trong đời sống xã hội trên cơ sở lượng từ vựng khoảng 1000 từ và các kiến thức cơ bản về

thời hiện tại hoàn thành, quá khứ tiếp diễn, câu điều kiện, các cấu trúc câu diễn đạt ý muốn, quan điểm.

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ tiếng Anh B. Có khả năng giao tiếp về các lĩnh vực đời sống xã hội: Bày tỏ quan điểm, giao dịch bưu điện, ngân hàng, thể hiện quan điểm, chỉ đường...

10. Tiếng anh ngành kế toán (3.3.0)

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán giúp học viên nâng cao trình độ Anh ngữ cũng như khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc kế toán một cách hiệu quả. Ngoài ra, môn học xây dựng nền tảng vững chắc về hệ thống từ chuyên ngành và kiến thức cơ bản ngành nghề kế toán giúp học viên thành công trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán nâng cao khả năng nghe hiểu & đọc hiểu thông qua việc phân tích các cấu trúc câu ở các bài nghe, đọc có liên quan tới lĩnh vực kế toán đồng thời củng cố kỹ năng viết luận ở cấp độ cơ bản và nâng cao kỹ năng nói và thảo luận các kiến thức, tình huống liên quan tới công việc kế toán.

11. Toán ứng dụng C1 (3,3,0)

Học phần đề cập đến các vấn đề: Tập hợp, ánh xạ, số phức, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế, dạng toàn phương; Hàm một biến số: các khái niệm cơ bản về hàm một biến số và giới hạn, các mô hình hàm số trong phân tích kinh tế, ứng dụng của dãy số trong phân tích tài chính, hàm số liên tục, đạo hàm và vi phân, ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế.

12. Toán ứng dụng C2 (3,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Toán ứng dụng C1

Học phần đề cập đến các vấn đề: Tích phân của hàm một biến số, ứng dụng của tích phân trong kinh tế học, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, phân tích động trong kinh tế, phương trình sai phân cấp một, phương trình sai phân cấp hai, một số mô hình phương trình sai phân trong phân tích kinh tế; Hàm nhiều biến: các khái niệm cơ bản, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm và vi phân, ứng dụng của đạo hàm riêng trong kinh tế học, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng trong kinh tế, cực trị của hàm nhiều biến, bài toán tối đa hóa lợi nhuận, sự lựa chọn của các nhà sản xuất.

13. Xác suất thống kê (3,3,0)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê toán: lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy.

14. Tin học đại cương

Học phần Tin học đại cương gồm khái niệm cơ bản về thông tin, tin học; khái niệm, chức năng của hệ điều hành; thao tác cơ bản với hệ điều hành windows trong tổ chức, quản lý thông tin và máy tính; kỹ thuật lập trình giải quyết một số bài toán bằng ngôn ngữ lập trình Pascal. Thông qua học phần rèn kỹ năng tổ chức, quản lý, biểu diễn thông tin và lập trình ứng dụng cơ bản bằng ngôn ngữ lập trình Pascal.

15. Giáo dục thể chất 1

- Giáo dục thể chất 1 là học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần Giáo dục thể chất 1 là nhằm trang bị những kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng.
- Thông qua quá trình học tập và rèn luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Người học phát triển tốt các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo.

16. Giáo dục thể chất 2

- Giáo dục thể chất 2 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.
- Trong học phần Giáo dục thể chất 2 sinh viên được lựa chọn và đăng ký học 1 trong các nội dung sau: bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng rổ.

17. Giáo dục thể chất 3

- Giáo dục thể chất 3 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.
- Trong học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được tiếp tục học các môn thể thao đăng ký theo sở thích ở học phần Giáo dục thể chất 2.

18. Giáo dục quốc phòng và an ninh (4,0,4)

Ngoài bài mở đầu giới thiệu nội dung, nội quy, quy chế môn học học phần GDQP bao gồm 3 chương:

Chương I: Đường lối quân sự của Đảng. Trang bị cho SV một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước, hiểu được nghệ thuật quân sự Việt

nam và những vấn đề về kết hợp kinh tế - quốc phòng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân,

Chương II: Công tác quốc phòng an ninh. Giới thiệu cho SV cách phòng chống “Diễn biến hòa bình, Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và phòng chống vũ khí công nghệ cao bên cạnh đó giới thiệu cho SV hiểu về pháp lệnh DQTV, các vấn đề dân tộc tôn giáo, bảo vệ an ninh quốc gia.

Chương III: Quân sự chung. Giới thiệu cho SV các nội dung đội ngũ cá nhân, cách sử dụng vũ khí, thuốc nổ, băng bó cứu thương...

19. Kỹ năng mềm 1 và 2

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, nội dung và nguyên tắc của kỹ năng quản lý bản thân; khái niệm, vai trò, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; khái niệm, hình thức, vai trò của kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Hình thành cho sinh viên kỹ năng quản lý bản thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp ứng xử, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng kỹ năng trong học tập và trong cuộc sống.

20. Kỹ năng mềm 3 và 4

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng giải quyết vấn đề. Cách thức, quy chế tổ chức và các nguyên tắc làm việc nhóm. Các công việc chuẩn bị cho buổi thuyết trình, các bước tiến hành buổi thuyết trình và quy trình giải quyết vấn đề, ra quyết định. Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc nhóm hiệu quả, phương pháp thuyết trình, cách giải quyết các vấn đề trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

21. Kỹ năng mềm 5 và 6

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng tư duy, sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc. Các nội dung quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo và kỹ năng lắng nghe hiệu quả và các nguyên tắc lập kế hoạch hiệu quả. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, biết lắng nghe và cách lập kế hoạch trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

22. Kỹ năng mềm 7 và 8

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, quy trình, kỹ năng tổ chức sự kiện; các yếu tố cần có của người lãnh đạo, vai trò của người lãnh đạo, các bước hoàn thiện khả năng lãnh đạo. Quá trình tìm kiếm việc làm, các kỹ năng để tìm kiếm việc làm. Hình thành cho sinh viên kỹ năng để tổ chức một sự kiện, hoàn thiện các

yếu tố cần có của người lãnh đạo, có kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng và tích cực tìm kiếm việc làm.

23. Quy hoạch tuyến tính

Quy hoạch tuyến tính là môn học mở đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính.

Nội dung chính của môn học đi sâu vào trình bày nội dung chi tiết của giải thuật toán đơn hình, thuật toán đối ngẫu và ứng dụng rộng rãi của bài toán quy hoạch tuyến tính trong thực tế.

Yêu cầu sinh viên sau khi học xong môn học phải xây dựng được mô hình toán cho những bài toán thực tế đơn giản và áp dụng thành thạo thuật toán để giải các lớp bài toán quy hoạch tuyến tính.

24. Kinh tế vi mô 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản các nguyên lý kinh tế cơ bản về hoạt động của các thành viên trong nền kinh tế, các vấn đề cơ bản về doanh nghiệp, về người tiêu dùng và về thị trường tại đó doanh nghiệp và người tiêu dùng tương tác với nhau để thúc đẩy quá trình sản xuất và lưu thông hàng hoá.

25. Kinh tế vĩ mô

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế học vĩ mô về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế, giới thiệu cách tính các chỉ tiêu kinh tế như GDP, GNP,... Đồng thời giới thiệu các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản và hệ thống công cụ chính sách đối với nền kinh tế mở.

26. Marketing căn bản

Mô tả môn học: Môn học Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing – mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

27. Lý thuyết thống kê

Thống kê học là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất, tính qui luật của hiện tượng, thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như các phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

28. Luật kinh tế

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp; Doanh nghiệp Nhà nước; Công ty cổ phần; Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn; doanh nghiệp tư nhân; chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng; pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

29. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Nội dung học phần: trang bị kiến thức về việc hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản trong hạch toán kế toán từng trường hợp cụ thể: kế toán vốn bằng tiền, các phương pháp tính giá trong kế toán hàng tồn kho, các quy định về việc lập và gửi báo cáo tài chính

30. Lý thuyết tài chính

Môn học Lý thuyết tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính, về các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian như: Bảo hiểm, tín dụng, về Thị trường tài chính và Tài chính quốc tế.

31. Tin học văn phòng

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo, định dạng, in ấn các loại văn bản bằng phần mềm Microsoft Word. Các kiến thức làm việc với bảng tính bằng phần mềm Microsoft Excel.

32. Quản trị tài chính

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị vốn cố định, vốn lưu động; chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn; giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp.

33. Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mục tiêu, chức năng, đối tượng của phân tích báo cáo tài chính. Hệ thống các báo cáo tài chính hiện hành của doanh nghiệp. Phân tích tình hình nguồn vốn, chính sách tài trợ, phân tích cơ cấu đầu tư. Phân tích sự biến động và cơ cấu vốn. Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và dự báo rủi ro về tài chính trong doanh nghiệp. Dự báo tình hình tài chính, phân tích khả năng sinh lời, tăng trưởng và định giá doanh nghiệp.

34. Nguyên lý kế toán A

Nguyên lý kế toán là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, vai trò của kế toán và các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các môn học kế toán.

35. Thuế

Trang bị kiến thức cơ bản về thuế nhà nước bao gồm: thuế giá trị gia tăng; thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài sản; phí và lệ phí.

36. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

37. Kế toán quản trị

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn và phân tích tài chính doanh nghiệp.

38. Kiểm toán căn bản

Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán, kiểm toán là gì, các khái niệm cơ bản trong kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, các bước trong kiểm toán, khái niệm kiểm toán viên, các chuẩn mực kiểm toán, các báo cáo kết quả kiểm toán, các ý kiến có thể đưa ra trong báo cáo kiểm toán.

39. Kế toán thuế

Môn học trang bị cho sinh viên các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán, quyết toán và lập tờ khai các loại thuế như thuế: Giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp... phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

40. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán trong doanh nghiệp cũng như các phương

pháp ghi chép sổ sách kế toán ở từng phân hệ kế toán: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản và đầu tư, kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ, kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả và lập báo cáo tài chính.

41. Đề án Nguyên lý kế toán A

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về hệ thống ghi chép ban đầu của kế toán, đó là phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần nguyên lý kế toán A, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các học phần về kế toán khác.

42. Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ

Môn học Kế toán thương mại và dịch vụ cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán doanh nghiệp thương mại và kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp như: kế toán nghiệp vụ mua hàng, kế toán nghiệp vụ bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, kế toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp.

43. Luật kế toán

Nội dung học phần: trang bị kiến thức cơ bản về luật kế toán Việt nam, bao gồm các quy định về việc tổ chức bộ máy kế toán, sử dụng chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, phương pháp ghi sổ kế toán, các cách sửa chữa sai sót trong kế toán, việc sử dụng, lập và gửi các báo cáo tài chính, các công tác kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản và các quy định khác liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp.

44. Thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của số lớn các hiện tượng kinh tế xã hội, diễn ra trong quá trình tái sản xuất của từng cơ sở trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Thống kê doanh nghiệp sử dụng linh hoạt các phương pháp chuyên môn của thống kê học, bám sát vào các văn bản pháp qui của Nhà nước về quản lý và chiến lược phát triển kinh tế, về hạch toán kinh tế.

45. Kế toán chi phí

Kế toán chi phí cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí sản xuất của doanh nghiệp, các phương pháp phân bổ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang theo các phương pháp. Tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

46. Phân tích hoạt động kinh tế

Môn học cung cấp : Phân tích hoạt động kinh doanh là môn học nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh, bằng những phương pháp liên kết, kết hợp với các lý thuyết kinh tế và phương pháp khác nhằm đến việc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh....

47. Kế toán doanh nghiệp A1

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán có liên quan đến kế toán tiền mặt tại quỹ, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính và tài sản cố định trong doanh nghiệp

48. Kế toán doanh nghiệp A2

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán có liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán vật tư hàng hóa, và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

49. Kế toán doanh nghiệp A3 (4,3,1)

Kế toán tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán thành phẩm, tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính doanh nghiệp.

50. Đề án Kế toán doanh nghiệp

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

51. Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất

Trang bị những kiến thức cơ bản về cách sử dụng kế toán máy trong doanh nghiệp sản xuất, giúp sinh viên có thể tiếp cận được cách làm kế toán bằng phần mềm tại các doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Cập nhật danh mục các đối tượng vào phần mềm, kế toán hàng tồn kho, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền, kế toán giá thành và kế toán xác định kết quả sản xuất tại các doanh nghiệp sản xuất.

52. Kế toán hành chính sự nghiệp

Nội dung môn học Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán công trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Kế toán tiền, vật tư,

sản phẩm, hàng hóa, kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán nguồn kinh phí, vốn, kế toán các khoản thu, chi và quyết toán kinh phí

53. Kế toán xây dựng cơ bản

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong xây dựng cơ bản, phương pháp hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tập hợp chi phí và các phương pháp ghi sổ theo các hình thức kế toán trong hoạt động xây dựng cơ bản.

54. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại như: tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, tài sản cố định và công cụ lao động, kế toán vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

55. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp nông nghiệp.

56. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thị trường chứng khoán như chức năng, công cụ, mục tiêu, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; các phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các phương pháp phân tích và khả năng đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán; một số nội dung cơ bản về thị trường trái phiếu quốc tế và việc phát hành trái phiếu quốc tế.

57. Bảo hiểm

Bảo hiểm là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm, các loại bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường biển; Bảo hiểm thân tàu thuỷ; Bảo hiểm xa cơ giới; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm cháy; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm thất nghiệp.

58. Thực tập chuyên đề

Tìm hiểu công tác tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị thực tập. Trải nghiệm thực tế, phỏng vấn tìm hiểu về tình hình hoạt động của bộ máy kế toán. Thực hành một số quy trình kế toán tại đơn vị thực tập.

59. Thực tập tốt nghiệp

Học phần này sẽ giúp sinh viên kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, thông qua thực tế hoạt động sản xuất của doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực tự thực hành.

Giúp sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, tự giác, độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề cụ thể xảy ra trong các doanh nghiệp sản xuất.

60. Khóa luận tốt nghiệp

Tạo điều kiện cho sinh viên khá giỏi có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

Giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo.

Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.

Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

61. Đề án kế toán thuế

Môn Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức kế toán căn bản theo hệ thống kế toán Mỹ bao gồm những nội dung: Đặc điểm của kế toán Mỹ; Chu trình kế toán Mỹ; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản ngắn hạn; Kế toán tài sản dài hạn; Kế toán nợ phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán các hoạt động mua bán trong doanh nghiệp thương mại.

62. Lập báo cáo tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính như: nội dung của lập báo cáo tài chính, các loại báo cáo tài chính, nguyên tắc lập, thời hạn nộp báo cáo tài chính, nơi nộp báo cáo tài chính. Các phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp, phương pháp lập bảng cân đối kế toán đối với doanh nghiệp hoạt động liên tục và doanh nghiệp hoạt động không liên tục, phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh ..Từ đó giúp sinh viên lập được báo cáo tài chính doanh nghiệp cung cấp thông tin tư vấn cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

63. Kiểm toán báo cáo tài chính

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán mua hàng, bán hàng, kiểm toán tiền lương, tài sản cố định, kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho, kiểm toán huy động vốn, kiểm toán báo cáo tài chính...

64. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Kế toán ngân sách và tài chính xã là môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ngân sách và tài chính xã thông qua các phần hành kế toán cụ thể. Đồng thời, cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách và tài chính xã.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán 2. Phân tích báo cáo tài chính
2.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Kinh tế vĩ mô
3.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Luật kinh tế
4.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học
5.	Vũ Thị Hường	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Soạn thảo văn bản 2. Khởi nghiệp kinh doanh
6.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Soạn thảo văn bản
7.	Nguyễn Thị Thủy	1986	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
8.	Mạc Thị Liên	1989	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô 1 2. Kinh tế vĩ mô 3. Quy hoạch tuyến tính
9.	Lê Thị Hương	1982	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp 1 3. Quản trị kinh doanh tổng hợp 2 4. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh 5. Văn hoá kinh doanh 6. Quản trị thương hiệu 7. Đề án quản trị sản xuất
10.	Tô Thu Thủy	1982	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lý thuyết thống kê 2. Thống kê doanh nghiệp
11.	Hoàng Thị Hoa	1987	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Quy hoạch tuyến tính
12.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ Kinh tế	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Kế toán ngân sách và tài chính xã 3. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 4. Kế toán Hành chính sự nghiệp 5. Thuế 6. Kế toán thuế 7. Kế toán xây dựng cơ bản 8. Kế toán chi phí 9. Thực tập chuyên đề 10. Thực tập tốt nghiệp
13.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ Kế toán	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị tài chính 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 4. Lập báo cáo tài chính 5. Kế toán ngân sách và tài chính xã 6. Kế toán hành chính sự nghiệp 7. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 8. Kế toán xây dựng cơ bản 9. Thực tập chuyên đề 10. Thực tập tốt nghiệp
14.	Vũ Thị Thanh Thủy	1984	Thạc sĩ Kế toán	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuế 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán chi phí 4. Lập báo cáo tài chính

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				<ul style="list-style-type: none"> 5. Kiểm toán báo cáo tài chính 6. Kiểm toán căn bản 7. Kế toán tin trong DNSX 8. Bảo hiểm 9. Thực tập chuyên đề 10. Thực tập tốt nghiệp
15.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý kế toán căn bản 2. Quản trị tài chính 3. Quản trị tài chính doanh nghiệp 4. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 5. Kế toán quản trị 6. Lý thuyết tài chính 7. Thực tập chuyên đề 8. Thực tập tốt nghiệp
16.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Thị trường chứng khoán 4. Lý thuyết tài chính 5. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng 6. Bảo hiểm
17.	Hoàng Thị Bích Ngọc	1982	Thạc sĩ – Tài chính ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thị trường chứng khoán 2. Thuế
18.	Phùng Thị Mến	1984	Thạc sĩ – Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thuế 2. Kế toán DN (A1,A2,A3) 3. Kế toán DN vừa và nhỏ
19.	Nguyễn Thị K. Nguyễn	1974	Tiến sĩ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
20.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> 1. Giao tiếp trong kinh doanh 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng 5. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 6. Kinh tế chính trị Mác-Lênin.
21.	Nguyễn Thanh Tú	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán chi phí 4. Bảo hiểm
22.	Vương Thị Thuý Huyền	1984	Thạc sĩ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản trị tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Lý thuyết tài chính 4. Thuế

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
23.	Lưu Thị Loan	1984	Thạc sĩ Kinh tế	1. Luật kinh tế 3. Marketing căn bản
24.	Vũ Thị Thanh Huyền	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Quản trị tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng
25.	Đặng Thị Dương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Thuế 3. Phân tích báo cáo tài chính
26.	Đào Văn Dậy	1985	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán chi phí 4. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 5. Kế toán DN vừa và nhỏ
27.	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
28.	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
29.	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ Kinh tế chính trị	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
30.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
31.	Nguyễn Đức Thuận	1989	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
32.	Quán Thanh Tùng	1990	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
33.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ QLTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
34.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
35.	Vũ Văn Chương	1973	Thạc sĩ Cơ khí	Giáo dục quốc phòng và an ninh.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
36.	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sĩ Triết học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
37.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ Triết học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
38.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Triết học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 5. Kỹ năng lãnh đạo
39.	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ Triết học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Triết học Mác - Lênin 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
40.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ Luật học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng
41.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
42.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ Lịch sử	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm
43.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sĩ Triết học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương; 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác – Lênin 4. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 5. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 6. Kỹ năng tư duy sáng tạo –Phản biện

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
44.	Nguyễn Thị Tĩnh	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
45.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
46.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
47.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
48.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
49.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
50.	Nguyễn Kiều Hiên	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
51.	Đặng Thị Minh Phương	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
52.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
53.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
54.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
55.	Trần Hoàng Yến	1982	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
56.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
57.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
58.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
59.	Nguyễn Thị Hoa	1981	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
60.	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
61.	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
62.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
63.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh, tiếng Nhật	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5
64.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ KH máy tính	Tin học cơ bản 1,2
65.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
66.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
67.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
68.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tin học cơ bản 1,2
69.	Phạm Thị Hường	1981	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
70.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ KH học máy tính	Tin học cơ bản 1,2
71.	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Tiến sĩ Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản 1,2
72.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1,2

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng kế toán tin	7	Máy tính FPT Elead M533 E7500
		6	Máy tính để bàn đồng bộ FPT E7500
		2	Máy tính FPT Elead S989 corei3

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		8	Máy tính để bàn (Sing pc)
		1	Máy tính Elead E965 core i3 550-3-2
		1	Máy chiếu đa năng 3Mx76
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần
		1	Điều hoà nhiệt độ Casper
		1	Điều hoà nhiệt độ Galanz
2	Phòng thực hành Quản trị	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD core i3 3220
		6	Ghế khách hàng
		6	Ghế nhân viên
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
1	Bảng viết 1,5 x 2,5m		
3	Phòng thực hành Kế toán	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT S989 core i3 3220
		1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2
		7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)
		7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)
		1	Máy in LPB 2900

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được cứu bố trí 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình lưu hành nội bộ		ĐH Sao Đỏ	
1.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin		”	2011
2.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh		”	2016
3.	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		”	2009
4.	Giáo trình Tâm lý học đại cương		”	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
5.	Giáo trình Pháp luật đại cương		”	2014
6.	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học		”	2016
7.	Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh		”	2016
8.	KnowHow - Student book & Workbook 1	Angela Blackwell Therese Naber	Oxford	
9.	KnowHow - Student book & Workbook 2	Angela Blackwell Therese Naber	Oxford	
10.	Giáo trình Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh		Trường ĐH Sao Đỏ	2016
11.	Giáo trình Toán ứng dụng c1		”	2014
12.	Giáo trình Toán ứng dụng c 2		”	2014
13.	Giáo trình Xác suất và thống kê		”	2014
14.	Giáo trình Tin học đại cương		”	2014
15.	Giáo trình Điền kinh	PGS.TS Phạm Khắc Học	NXB Thể dục thể thao	2004
16.	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển		NXB Thể dục thể thao	2013
17.	Giáo trình bóng đá	Đại học Đà Lạt		2011
18.	Luật bóng rổ		NXB Thể dục thể thao	2013
19.	Giáo trình cầu lông	Thạc sĩ Nguyễn Văn Hồng, Thạc sĩ Trần Việt Dũng	Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	2008
20.	Giáo trình Giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 1, 2)		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2013
21.	Giáo trình Kỹ năng mềm		Trường ĐH Sao Đỏ	2014
22.	Giáo trình Kinh tế vi mô 1		”	2014

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
23.	Giáo trình Kinh tế vĩ mô		”	2014
24.	Giáo trình Luật kinh tế		”	2014
25.	Giáo trình Lý thuyết thống kê		”	2014
26.	Giáo trình Chuẩn mực kế toán Việt		“	2016
27.	Giáo trình Marketing căn bản		“	2016
28.	Giáo trình Lý thuyết tài chính		“	2016
29.	Giáo trình Lý thuyết thống kê		“	2016
30.	Giáo trình Kế toán quản trị		“	2016
31.	Giáo trình Kiểm toán căn bản		“	2016
32.	Giáo trình Nguyên lý kế toán A		“	2016
33.	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính		“	2016
34.	Giáo trình Quản trị tài chính		“	2016
35.	Giáo trình Luật kế toán		“	2016
36.	Giáo trình Thống kê kinh tế		“	2016
37.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ		“	2016
38.	Giáo trình Kế toán thuế		“	2016
39.	Giáo trình Kế toán chi phí		“	2016
40.	Giáo trình Thuế		“	2016
41.	Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		“	2016
42.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A1		“	2016
43.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A2		“	2016
44.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A3		“	2016
45.	Giáo trình Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất		“	2016
46.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp		“	2016
47.	Giáo trình Thị trường chứng khoán		“	2016
48.	Giáo trình Bảo hiểm		“	2016
49.	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp		“	2016
50.	Giáo trình Kế toán xây dựng cơ bản		“	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
51.	Giáo trình Nghiệp vụ kế toán ngân hàng		“	2016
52.	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh tế		“	2016
53.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ		“	2016
54.	Giáo trình Lập báo cáo tài chính		“	2016
55.	Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính		“	2016
56.	Giáo trình Kế toán ngân sách và tài chính xã		“	2016
II	Giáo trình tham khảo			
57.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2016
58.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
59.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	2000
60.	Toàn tập, Tập 20	C.Mác và Ph.Ăngghen	CTQG	2004
61.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2016
62.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
63.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	2000
64.	Toàn tập, Tập 25	C. Mác và Ph.Ăngghen	Chính trị quốc gia	1999
65.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia	2010
66.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2008
67.	Văn kiện Đại hội Đảng XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2011
68.	Văn kiện Đại hội Đảng XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2016
69.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia	2002
70.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Việt Thông	Chính trị quốc gia	2009
71.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	2010

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
72.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng LLTW	Chính trị quốc gia	2003
73.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia	2016
74.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Động	Giáo dục	2009
75.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Thị Thanh, Hoàng Thị Giang	NXB Tài chính	2009
76.	Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
77.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2009
78.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	Chính trị - Hành chính.	2010
79.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
80.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	Đại học quốc gia Hà Nội	2012
81.	Real life – Elementary – Students’ book.	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
82.	Very Easy TOEIC, second edition.	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	
83.	Taking the TOEIC Skills and Strategies.	Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick, Wendi Shin	Compass publishing	
84.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2010
85.	Từ điển kỹ thuật Điện Anh Việt	Đỗ Hoàng Đạt	Khoa học và kỹ thuật	1999
86.	Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering.	Eric H. Glendinning, Norman Glendinning	Oxford University Press	1995
87.	Nhật ngữ sơ cấp - Luyện tập mẫu câu.	Mina No Nihongo	Thời đại	2013
88.	Xác suất nâng cao	Đặng Hùng Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
89.	Giáo trình Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm		2007
90.	Giáo trình điền kinh	Phạm Khắc Học	Thẻ dục thể thao	2004
91.	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia.	Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng	Quân đội nhân dân	2007

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
92.	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 1)	Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng	Giáo dục Việt Nam	2013
93.	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 2)	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục Việt Nam	2013
94.	Giáo trình Điền kinh	Phạm Khắc Học	Thẻ dục thể thao	2004
95.	Luật thi đấu Điền kinh	Tổng cục TDTT	Thẻ dục thể thao	2013
96.	Giáo trình bóng chuyền	Đình Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống	Thẻ dục thể thao	2006
97.	Giáo trình bóng đá Luật bóng rổ	Tổng cục TDTT	ĐH Đà Lạt Thẻ dục thể thao	2011 2013
98.	Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Hồng, Trần Việt Dũng	ĐH sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2008
99.	Lý luận và phương pháp TDTT.	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn	Thẻ dục thể thao	2006
100.	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển.	Tổng cục TDTT	Thẻ dục thể thao	2013
101.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia	2010
102.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin	2009
103.	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần	Khoa học xã hội	2016
104.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Vũ Minh Tân dịch	Khoa học xã hội	2016
105.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	Thanh niên	2010
106.	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
107.	Phương pháp hoạch định chiến lược	Hương Huy	Giao thông vận tải	2007
108.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung	Tài chính	2014
109.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Dân	Tài chính	2008

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
110.	Bài tập Nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Lao động	2010
111.	Giáo trình Pháp luật kinh tế	TS Nguyễn Hợp Toà	ĐHKQTĐ	2015
112.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Thuý	Lao động xã hội	2012
113.	Bài tập Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân	Tài chính	2008
114.	Marketing căn bản	GS,TS. Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
115.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Bộ Tài chính		2014
116.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Nguyễn Trung Trục Phạm Quang Trung	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015
117.	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS. Hoàng Văn Quỳnh, Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2013
118.	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Th.S Lương Văn Úc	ĐHKQTĐ	2011
119.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng, Viện Đào tạo – Nghiên cứu về Tổ chức và Hành chính	GS. TS Nguyễn Hữu Tri	KH&KT	2006
120.	Bài tập và bài giải môn nguyên lý kế toán	Nguyễn Hải Hà	NXB Tri thức	2014
121.	Bài tập và lời giải kế toán doanh nghiệp	Nguyễn Thị Dung	NXB Tri thức	2015
122.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ phần 1	Phan Thị Cúc	NXB Phương Đông	2012
123.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ phần 2	Phan Thị Cúc	NXB Phương Đông	2012
124.	Bài tập Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2012
125.	Bài tập kiểm toán	ThS Phan Thanh Hải	NXB Lao Động	2012
126.	Bài tập Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2012
127.	Bài tập bài giải phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Đước	NXB Thống kê	2014
128.	48/2006/Đ-BTC của Bộ Tài chính	Bộ tài chính		2006
129.	BT & BG Kế toán chi phí	Huỳnh lợi	NXB Kinh tế TPHCM	2012

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
130.	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Quang Ngọc	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2014
131.	Học nguyên lý kế toán theo phương pháp tiếp cận mới	Vũ Thanh Chương	NXB Tri thức	2014
132.	Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính	Bộ tài chính		2014
133.	Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Duyệt TS. Huỳnh Đức Lộng	NXB Kinh tế TP. Hồ chí Minh	2015
134.	Kế toán chi phí	TS. Đoàn Ngọc Quế PGS.TS. Phạm Văn Duyệt TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế TP. Hồ chí Minh	2015
135.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công nghiệp – Nông nghiệp & xây lắp	TS. Đinh Phúc Tiểu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2016

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Kế toán, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khoá như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Kế toán; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Kế toán. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế, nội quy của Nhà trường; phân lớp, làm quen với giảng viên chủ nhiệm.
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc	Tổ chức vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: khai	- Phát triển, nâng cao kỹ năng mềm, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
		tập thể	giảng năm học mới; ngày thành lập Đảng, Đoàn, Hội; ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11; các sự kiện lớn của đất nước, địa phương,...	nhóm. - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường, yêu quê hương, đất nước.
3	Thăm quan phòng truyền thống của Nhà trường	Tập trung	Tổ chức vào dịp nghỉ hè và những ngày nghỉ trong tuần	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển Nhà trường; cơ cấu tổ chức, các phòng, khoa, trung tâm trong trường.
4	Thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại doanh nghiệp	Tập trung	Tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học. Sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4	- Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. - Rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. - Vận dụng được kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
5	Hoạt động thư viện (ngoài giờ học)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập chính khóa	Cập nhật kiến thức chuyên môn liên quan đến ngành học Tìm kiếm thêm thông tin của ngành trên Internet.

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhượng